

VIET DRAGON

Auditing Consulting Co., Ltd.

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

MST: 3600298954



VDAC

Auditing & Consulting

We get success together

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

NỘI DUNG	TRANG
1. Thông tin về doanh nghiệp	2
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	11
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	12 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI
THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 5 số 3600298954 ngày 25 tháng 04 năm 2016.

Giấy chứng nhận đầu tiên số 3600298954 ngày 01 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng quản trị

Ông Phùng Văn Nhì
Ông Nguyễn Văn Trung
Ông Lê Phước Hùng

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Đinh Thị Thu Vân
Bà Cao Minh Phúc
Bà Ngô Thị Cẩm Hà

Trưởng ban
Ủy viên
Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Trung
Ông Hồ Tấn Tài

Giám đốc
Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Khuyên

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Văn Trung

Giám đốc

Trụ sở chính

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ

40.000.000.000 VND

Vốn pháp định

6.000.000.000 VND

Điện thoại

(06) 18 826 643

Fax

(06) 18 826 644

Mã số thuế

3 6 0 0 2 9 8 9 5 4

Hoạt động chính của Công ty

Mua bán nông sản, lâm sản, thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, điện tử, thiết bị điện công nghiệp và dân dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, hàng thực phẩm công nghệ, thực phẩm, phương tiện vận tải đường bộ, trang thiết bị công nghệ thông tin, máy móc và trang thiết bị văn phòng, vật tư ngành công nghiệp và nông nghiệp. Sản xuất, gia công hàng nông sản, ủy thác xuất nhập khẩu, kinh doanh chợ, nhà xưởng, văn phòng cho thuê, kho, bãi, bến cảng sông và các dịch vụ liên quan (bốc xếp, giao nhận hàng hóa, quản lý kho hàng). Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà. Tư vấn, đào tạo về công nghệ thông tin. Bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị công nghệ thông tin và văn phòng.

Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt ("VDAC") được chỉ định là kiểm toán viên cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 31).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hằng năm thể hiện một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại mọi thời điểm và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và sai quy định khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm của năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được soạn thảo trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2017



NGUYỄN VĂN TRUNG
GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI, được lập ngày 15 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như đã trình bày tại thuyết minh V.04: Khoản trả trước cho Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Quốc Việt 7.167.240.211 đồng là khoản nợ không có khả năng thu hồi, cần được lập dự phòng và xử lý theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính; Tuy nhiên trong Báo cáo tài chính năm 2016, khoản nợ nêu trên vẫn chưa được xử lý;
- Chúng tôi cũng chưa nhận được đầy đủ thông tin cần thiết về việc đối chiếu xác nhận các khoản nợ phải trả các ngân hàng từ giai đoạn trước cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần (xem Thuyết minh V.16).

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt



Vũ Tiến Sỹ – Giám đốc

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 2863-2014-201-01

Lê Hoàng Tuyên – Kiểm toán viên

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 0622-2014-201-01

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CỤC THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI
BỘ PHẬN MỘT CỬA

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Số: KTG M
Ngày: 15/12/2017
(CV) 15/12/2017
Mẫu số B 01 - DN
(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150)	100		42.129.555.872	32.136.060.755
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.551.081.512	123.247.078
1. Tiền	111	V.01	4.551.081.512	123.247.078
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	10.000.000.000	17.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	17.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.578.474.360	8.756.308.977
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	21.639.039.994	4.847.569.411
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	9.239.872.211	7.185.240.211
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	-	23.937.200
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(3.300.437.845)	(3.300.437.845)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	-	6.256.504.700
1. Hàng tồn kho	141		-	6.256.504.700
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. Tài sản dài hạn (200 = 210+220+240+250+260)	200		11.855.262.655	13.192.875.074
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Tài sản cố định	220		11.092.361.063	12.256.891.204
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	11.092.361.063	12.256.891.204
- Nguyên giá	222		23.783.709.938	23.783.709.938
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.691.348.875)	(11.526.818.734)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		437.404.587	437.404.587
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.09	437.404.587	437.404.587
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		325.497.005	498.579.283
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	325.497.005	498.579.283
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)	270		53.984.818.527	45.328.935.829

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. Nợ phải trả (300 = 310+330)	300		19.398.189.145	13.781.791.305
I. Nợ ngắn hạn	310		18.355.097.145	12.752.335.305
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	5.450.274.760	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	235.223.237	265.242.860
4. Phải trả người lao động	314	V.13	774.892.445	602.290.742
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	34.485.000	33.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	179.680.000	170.960.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	11.678.959.706	11.679.259.706
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	1.581.997	1.581.997
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.043.092.000	1.029.456.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	1.043.092.000	1.029.456.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	340		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	341		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	342		-	-
D. Vốn chủ sở hữu (400 = 410+430)	400		34.586.629.382	31.547.144.524
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	34.586.629.382	31.547.144.524
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		395.499.138	395.499.138
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.808.869.756)	(8.848.354.614)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(8.848.354.614)	(11.573.832.949)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.039.484.858	2.725.478.335
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300+400)	440		53.984.818.527	45.328.935.829

NGUYỄN VĂN TRUNG
GIÁM ĐỐCNGUYỄN THỊ KHUYÊN
KẾ TOÁN TRƯỞNGNGUYỄN TRẦN THANH NHÃ
NGƯỜI LẬP BIỂU

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 02 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	225.323.493.567	123.498.019.343
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	1.555.000.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.01	223.768.493.567	123.498.019.343
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	214.162.806.867	115.465.986.161
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.605.686.700	8.032.033.182
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	719.395.687	1.011.701.506
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	191.451.053	98.144.726
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		83.692.221	98.144.726
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	3.128.762.553	3.263.154.780
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	3.770.046.678	3.083.956.759
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		3.234.822.103	2.598.478.423
11. Thu nhập khác	31	VI.07	2.356.712.668	2.424.990.164
12. Chi phí khác	32	VI.08	1.770.650.712	1.791.432.732
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		586.061.956	633.557.432
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.820.884.059	3.232.035.855
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	781.399.201	506.557.520
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.039.484.858	2.725.478.335
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	760	681
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

NGUYỄN VĂN TRUNG
GIÁM ĐỐCNGUYỄN THỊ KHUYÊN
KẾ TOÁN TRƯỞNGNGUYỄN TRẦN THANH NHẢ
NGƯỜI LẬP BIỂU

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 03 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		212.066.404.134	128.117.388.794
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(204.847.773.004)	(123.229.796.392)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.632.700.080)	(3.148.779.781)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(287.392.223)	(98.144.726)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(847.180.079)	(314.560.613)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16.697.627.190	775.083.141
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.440.547.191)	(4.690.743.707)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.291.561.253)	(2.589.553.284)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	72.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.000.000.000)	(66.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		44.000.000.000	66.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		719.395.687	1.011.701.506
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.719.395.687	1.084.428.778
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		34.100.000.000	41.203.514.512
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(34.100.000.000)	(41.203.514.512)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.427.834.434	(1.505.124.506)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	123.247.078	1.628.371.584
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	4.551.081.512	123.247.078



NGUYỄN VĂN TRUNG
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ KHUYÊN
KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN TRẦN THANH NHÃ
NGƯỜI LẬP BIỂU

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.
2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.
3. Ngành nghề kinh doanh

Mua bán nông sản, lâm sản, thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, điện tử, thiết bị điện công nghiệp và dân dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, hàng thực phẩm công nghệ, thực phẩm, phương tiện vận tải đường bộ, trang thiết bị công nghệ thông tin, máy móc và trang thiết bị văn phòng, vật tư ngành công nghiệp và nông nghiệp. Sản xuất, gia công hàng nông sản, ủy thác xuất nhập khẩu, kinh doanh chợ, nhà xưởng, văn phòng cho thuê, kho, bãi, bến cảng sông và các dịch vụ liên quan (bốc xếp, giao nhận hàng hóa, quản lý kho hàng). Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà. Tư vấn, đào tạo về công nghệ thông tin. Bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị công nghệ thông tin và văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Không quá 12 tháng.
5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
 - Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
 - Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
 - Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.
 - Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG: Doanh nghiệp áp dụng giá định hoạt động liên tục.

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

- Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

• Ghi nhận ban đầu

➤ Tài sản tài chính

- Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.
- Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, và các khoản phải thu về cho vay.

➤ Nợ phải trả tài chính

- Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.
- **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**
- Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.
- *Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán*
- Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.
- Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.
- Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp".

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Thực tế đích danh.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:*
- Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

• Phương pháp khấu hao

- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Loại tài sản cố định	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	4 - 12
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

8. Các khoản đầu tư tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác: được ghi nhận khi công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư. Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

9. Ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

10. Ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng. Riêng giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45 được phân bổ không quá 3 năm.
- Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại: Lợi thế thương mại ghi ngay vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc phân bổ dần một cách có hệ thống trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu ích ước tính của lợi thế thương mại tối đa không quá 10 năm kể từ ngày ghi nhận.

11. Chi phí phải trả và chi phí trích trước

- Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- *Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu*
 - Nguồn vốn kinh doanh do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.
 - Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.
 - Nguồn vốn kinh doanh được nhà nước giao vốn, được điều động từ các doanh nghiệp trong nội bộ Tổng công ty, vốn do công ty mẹ đầu tư vào công ty con, các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản hoặc được bổ sung từ các quỹ, được trích từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn Ngân sách Nhà nước giao.
- *Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác*
 - Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.
 - Vốn khác: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.
- *Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:*
 - Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang... Chênh lệch đánh giá lại tài sản được ghi nhận khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản; Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà Nước; Khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp theo quy định... Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định hoặc Hội đồng định giá tài sản thống nhất xác định.
- *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*
 - Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
 - Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

• *Doanh thu bán hàng*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
 - Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

• *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy, trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

• *Doanh thu hoạt động tài chính*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
 - Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
 - Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
 - Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.
- Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

16. Các bên liên quan

- Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Giám Tổng đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác: theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**01. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	21.248.692	47.385.031
- Tiền mặt - VND	21.248.692	47.385.031
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.529.832.820	75.862.047
- Tiền gửi ngân hàng - VND	4.529.832.820	75.862.047
Cộng	<u>4.551.081.512</u>	<u>123.247.078</u>

02. Đầu tư tài chính ngắn hạn

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (Sacombank Đồng Nai)	10.000.000.000	10.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Cộng	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>17.000.000.000</u>	<u>17.000.000.000</u>

03. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ Phần Chăn nuôi CP VN Bình Dương	-	648.846
- Công ty Cổ Phần Anova Feed	501.616.350	-
- Công ty TNHH Emivest Feedmill (TG) Việt Nam	434.744.000	-
- Công ty Cổ Phần Chăn nuôi bò và chế biến sữa Đồng Nai	1.253.436.516	730.800.000
- Công ty Cổ Phần Xanh Cà phê	3.283.171.145	3.283.171.145
- Công ty Xe đạp Con Rồng Vàng	10.076.285	10.076.285
- Công ty KTTM Thành Duy	7.190.415	7.190.415
- Công ty TNHH TMDV XNK Đồng Tiến	297.564.327	795.752.036
- Công ty TNHH Emivest Feedmill Việt Nam	591.395.000	-
- Công ty TNHH Phân bón hữu cơ Greenfield	-	289.216
- Công ty TNHH TM XNK Khai Anh - Bình Thuận	9.302.436	19.641.468
- Công ty Cổ Phần Thức ăn dinh dưỡng Nutifarm	4.375.381.320	-
- Công ty TNHH Lộc Tài Thiên	33.000.000	-
- Công ty Cổ Phần Thức ăn gia súc Spotlight	3.336.730.200	-
- Công ty TNHH MTV Trần Hân	4.328.192.000	-
- Công ty TNHH Phương Nhân	3.177.240.000	-
Cộng	<u>21.639.039.994</u>	<u>4.847.569.411</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***04. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt	15.000.000	-
- Công ty Cổ Phần Garin	2.057.632.000	-
- Công ty TNHH XD - CĐ Quốc Việt (*)	7.167.240.211	7.167.240.211
- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt	-	18.000.000
Cộng	9.239.872.211	7.185.240.211

(*) Khoản phải thu Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Quốc Việt khó thu hồi;

Khoản nợ này phát sinh trước năm 2000, đã có phán quyết xử lý của Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai vào ngày 29/09/2005, trên cơ sở đó, Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai khi thực hiện cổ phần Công ty Xuất Nhập khẩu Đồng Nai từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần (thời điểm 31/03/2007) đã ghi nhận: khoản trả trước trên đây là khoản phải thu được bàn giao cho Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai sau khi thành lập;

Theo công văn số 7829/CT-TTHT ngày 30/11/2015 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai về việc dự phòng nợ phải thu khó đòi đã nêu trên khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi này sẽ không đủ điều kiện là chi phí được trừ vào thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Do vậy, Công ty chưa trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi này.

05. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền tạm sản BHXH chưa trả lại cho công ty	-	23.937.200
Cộng	-	23.937.200

06. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	3.300.437.845	3.300.437.845
➢ Công ty Cổ Phần Xanh Cà phê	3.283.171.145	3.283.171.145
➢ Công ty Xe đạp Con Rồng Vàng	10.076.285	10.076.285
➢ Công ty KTTM Thành Duyệt	7.190.415	7.190.415
Cộng	3.300.437.845	3.300.437.845

07. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng hoá	-	6.256.504.700
Cộng	-	6.256.504.700

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN**

(Đơn vị tính: VND)

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	21.810.059.723	525.486.579	1.448.163.636	23.783.709.938
Mua trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	21.810.059.723	525.486.579	1.448.163.636	23.783.709.938
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	10.608.684.856	479.649.182	438.484.696	11.526.818.734
Khấu hao trong năm	1.016.876.392	45.837.397	101.816.352	1.164.530.141
Số dư cuối năm	11.625.561.248	525.486.579	540.301.048	12.691.348.875
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	11.201.374.867	45.837.397	1.009.678.940	12.256.891.204
Tại ngày cuối năm	10.184.498.475	-	907.862.588	11.092.361.063

09. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
- Vốn góp vào Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	16%	400.000.000	16%	400.000.000
- Lợi thế thương mại của khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp	-	37.404.587	-	37.404.587
Cộng		437.404.587		437.404.587

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí	Số cuối năm
- Lợi thế giá trị doanh nghiệp (*)	371.284.375	-	178.216.500	193.067.875
- Tiền BH, sửa chữa kho	127.294.908	133.384.133	128.249.911	132.429.130
- Công cụ, dụng cụ tiền thuê đất, sửa chữa cầu, ống thoát nước	-	482.789.086	482.789.086	-
Cộng	498.579.283	616.173.219	789.255.497	325.497.005

(*) Lợi thế giá trị doanh nghiệp được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30/12/2007 của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Bảo Việt và Quyết định 3036/QĐ-UBND ngày 24/09/2007 về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai của UBND Tỉnh Đồng Nai. Lợi thế này được phân bổ thời gian là 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN**

(Đơn vị tính: VND)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần thức ăn dinh dưỡng Nutifarm	522.722.760	522.722.760	-	-
- DNTN Phước Cường	655.328.000	655.328.000	-	-
- Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	4.272.224.000	4.272.224.000	-	-
Cộng	5.450.274.760	5.450.274.760	-	-

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế	265.242.860	1.779.061.817	1.809.081.440	235.223.237
1. Thuế giá trị gia tăng	68.383.306	837.555.686	813.452.070	92.486.922
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	188.690.653	781.399.201	847.180.079	122.909.775
3. Thuế thu nhập cá nhân	8.168.901	60.067.105	48.409.466	19.826.540
4. Thuế đất và tiền thuê đất	-	97.039.825	97.039.825	-
5. Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	265.242.860	1.779.061.817	1.809.081.440	235.223.237

13. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả công nhân viên	774.892.445	602.290.742
Cộng	774.892.445	602.290.742

Các khoản tiền lương và mang tính chất lương còn phải trả cho người lao động.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	30.000.000	33.000.000
- Trích trước chi phí tiền nước của công ty	4.485.000	-
Cộng	34.485.000	33.000.000

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khoản nhận trước tiền cho thuê kho và văn phòng	179.680.000	170.960.000
Cộng	179.680.000	170.960.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN**

(Đơn vị tính: VND)

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các khoản phải trả phải nộp khác (*)	11.679.259.706	11.679.259.706
- Thuế thu nhập cá nhân	(300.000)	-
Cộng	11.678.959.706	11.679.259.706

(*) Chi tiết

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Nai	1.813.251.815	1.813.251.815
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - CN Đồng Nai	1.693.020.405	1.693.020.405
- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh	5.442.130.872	5.442.130.872
- Ngân sách tỉnh Đồng Nai	2.730.856.614	2.730.856.614
Cộng	11.679.259.706	11.679.259.706

- Các khoản nợ ngắn hạn phải trả trên được bàn giao cho Công ty Cổ Phần Xuất Nhập khẩu Đồng Nai khi thực hiện cổ phần hóa Công ty Xuất Nhập khẩu Đồng Nai từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần (thời điểm 31/03/2007).

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Giá trị
- Số đầu năm	1.581.997
- Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	-
- Số cuối năm	1.581.997

18. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khoản tiền nhận đặt cọc thuê kho, văn phòng:	1.043.092.000	1.029.456.000
➢ Công ty TNHH TM DV XNK Đồng Tiến	314.720.000	314.720.000
➢ Xi Nghiệp Tư doanh Đại Nam	57.000.000	43.364.000
➢ Ngân hàng Sacombank chi nhánh Đồng Nai	553.872.000	553.872.000
➢ Công ty TNHH TMDV Lộc Tài Thiên	80.000.000	80.000.000
➢ Công ty TNHH TMDV Tiến Phát Đạt	37.500.000	37.500.000
Cộng	1.043.092.000	1.029.456.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

19. Vốn chủ sở hữu

- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Giá trị
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
> Vốn góp đầu kỳ	40.000.000.000
> Vốn góp tăng trong kỳ	-
> Vốn góp giảm trong kỳ	-
> Vốn góp cuối kỳ	40.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm	Đầu năm
- Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	78,44%	31.376.280.000	31.376.280.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	16,56%	6.623.720.000	6.623.720.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	5,00%	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	100%	40.000.000.000	40.000.000.000

- Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai (Cổ đông nhà nước)

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	395.499.138	(11.573.832.949)	28.821.666.189
- Lãi trong năm trước	-	-	2.725.478.335	2.725.478.335
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	395.499.138	(8.848.354.614)	31.547.144.524
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	395.499.138	(8.848.354.614)	31.547.144.524
- Lãi trong năm nay	-	-	3.039.484.858	3.039.484.858
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	395.499.138	(5.808.869.756)	34.586.629.382

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	225.323.493.567	123.498.019.343
- Doanh thu bán hàng hóa	216.984.009.174	115.330.078.570
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.339.484.393	8.167.940.773
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.555.000.000	-
- Hàng bán bị trả lại	1.555.000.000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	223.768.493.567	123.498.019.343
- Doanh thu bán hàng hóa	215.429.009.174	115.330.078.570
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.339.484.393	8.167.940.773

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã bán	214.162.806.867	115.465.986.161
Cộng	214.162.806.867	115.465.986.161

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	684.407.631	967.995.048
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.988.056	43.706.458
Cộng	719.395.687	1.011.701.506

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	83.692.221	98.144.726
- Tiền góp vốn kinh doanh	107.758.832	-
Cộng	191.451.053	98.144.726

05. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	2.705.027.611	2.844.789.908
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	358.851.940	418.364.872
- Chi phí bằng tiền khác	64.883.002	-
Cộng	3.128.762.553	3.263.154.780

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN**

(Đơn vị tính: VND)

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	1.727.412.645	1.347.865.334
- Chi phí vật liệu quản lý	85.355.801	57.031.698
- Chi phí đồ dùng văn phòng	21.598.864	32.877.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	200.595.672	115.881.724
- Thuế, phí và lệ phí	8.760.375	30.087.502
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	230.059.814	203.783.499
- Chi phí bằng tiền khác	1.496.263.507	1.296.430.002
Cộng	3.770.046.678	3.083.956.759

07. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	72.727.272
- Thu tiền điện nước của khách hàng thuê kho	2.180.245.261	2.293.608.296
- Tiền lãi chậm thanh toán, phí chuyển nhượng	176.467.407	58.654.596
Cộng	2.356.712.668	2.424.990.164

08. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	11.544.629
- Chi phí thanh lý CCDC, vật tư	-	5.217.000
- Phạt do vi phạm hợp đồng, phòng cháy chữa cháy	30.330.000	-
- Chi phí điện, nước của khách hàng thuê kho	1.740.320.712	1.774.670.503
Cộng	1.770.650.712	1.791.432.132

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.820.884.059	3.232.035.855
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	86.111.944	(929.501.674)
> Các khoản điều chỉnh tăng	121.100.000	50.400.000
> Các khoản điều chỉnh giảm	34.988.056	979.901.674
- Tổng thu nhập chịu thuế	3.906.996.003	2.302.534.181
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	781.399.201	506.557.520
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	781.399.201	506.557.520

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.039.484.858	2.725.478.335
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	760	681

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết**

Công ty đang thuê đất theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng số 34/HĐTĐ/BH1 ngày 12 tháng 09 năm 2003 và các Phụ lục hợp đồng thuê đất giữa Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa (Sonadezi Biên Hòa) và Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Đồng Nai, Công ty được thuê lại 25.953,9 mét vuông tại địa chỉ Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, trong đó phần diện tích nằm trong hành lang an toàn đường điện không tính tiền thuê đất là 5.362 mét vuông. Thời hạn thuê được tính từ ngày 01/07/2001 đến ngày 12/04/2051. Đơn giá thuê đất là 800 đồng/mét vuông/năm đối với phần diện tích 20.591,9 mét vuông. Phí sử dụng hạ tầng hàng năm phải trả theo hóa đơn do Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa phát hành là 8.236,76 Đô la Mỹ.
- Hợp đồng thuê đất số 09/HĐTĐ ngày 09 tháng 02 năm 2009 giữa Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Nai và Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Đồng Nai, Công ty được thuê 1.080,1 mét vuông tại phường Thanh Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích làm Văn phòng làm việc, thời hạn thuê đất đến hết ngày 01 tháng 01 năm 2046. Tiền thuê đất hàng năm được nộp tại Kho bạc Nhà nước Tỉnh Đồng Nai. Đơn giá thuê là 38.500 đồng/mét vuông/năm đối với phần diện tích 951,3 mét vuông và 19.250 đồng/mét vuông/năm đối với phần diện tích 128,8 mét vuông. Giá thuê đất được ổn định trong 5 năm, kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2008 đến ngày 01 tháng 02 năm 2013.
- Hợp đồng thuê đất số 55/HĐTĐ-TĐtrn ngày 30 tháng 10 năm 2009 và Phụ lục hợp đồng giữa Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Nai và Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Đồng Nai, Công ty được thuê 5.700 mét vuông tại Xã Xuân Tân, Huyện Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 01/01/2041. Tiền thuê đất được nộp hàng năm tại Kho bạc Nhà nước Tỉnh Đồng Nai. Đơn giá thuê là 5.000 đồng/mét vuông/năm đối với phần diện tích 965 mét vuông và 10.000 đồng/mét vuông/năm đối với phần diện tích 4.735 mét vuông. Giá thuê đất được ổn định trong 5 năm.

02. Giao dịch với các bên liên quan

	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	31/12/2016 Phải thu/Phải trả
- Ban Giám Đốc	Lương, thù lao trong kỳ	652.779.600	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

03. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

• Các chính sách kế toán chủ yếu

- Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh phần IV.

• Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản nợ và tiền gửi.
- Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.
- Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng:
 - Độ nhạy của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
 - Độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Rủi ro lãi suất

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.
- Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.
- Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

- **Rủi ro về giá hàng hóa**

- Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

- **Rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

- Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.
- Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

- Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.01. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***• Rủi ro thanh khoản**

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.
- Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.
- Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
- Phải trả người bán	5.450.274.760	-	-	5.450.274.760
- Chi phí phải trả	-	34.485.000	-	34.485.000
- Các khoản phải trả khác	-	11.678.959.706	1.043.092.000	12.722.051.706
Cộng	5.450.274.760	11.713.444.706	1.043.092.000	18.206.811.466
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
- Chi phí phải trả	-	33.000.000	-	33.000.000
- Các khoản phải trả khác	-	11.679.259.706	1.029.456.000	12.708.715.706
Cộng	-	11.712.259.706	1.029.456.000	12.741.715.706

- Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

• Tài sản đảm bảo

- Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 số tiền: 1.029.456.000 đồng và ngày 31 tháng 12 năm 2016 số tiền: 1.043.092.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG NAI

Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

04. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty:

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	4.551.081.512	123.247.078	4.551.081.512	123.247.078
- Phải thu khách hàng	21.639.039.994	4.847.569.411	21.639.039.994	4.847.569.411
- Phải thu khác	-	23.937.200	-	23.937.200
- Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	17.000.000.000	10.000.000.000	17.000.000.000
- Đầu tư dài hạn	437.404.587	437.404.587	437.404.587	437.404.587
Cộng	36.627.526.093	22.432.158.276	36.627.526.093	22.432.158.276
Nợ phải trả tài chính				
- Phải trả người bán	5.450.274.760	-	5.450.274.760	-
- Phải trả khác	12.722.051.706	12.708.715.706	12.722.051.706	12.708.715.706
- Chi phí phải trả	34.485.000	33.000.000	34.485.000	33.000.000
Cộng	18.206.811.466	12.741.715.706	18.206.811.466	12.741.715.706

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản vay và nợ ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;

05. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

Ngày: 11-09-2018

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG AN BÌNH



NGUYỄN VĂN TRUNG
GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ KHUYÊN
KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN TRẦN THANH NHẢ
NGƯỜI LẬP BIỂU

Lương Mai Phương Thảo